TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **3332/**2026/DS-ST
Ngày: 20/7/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Hải,
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiệp,
Bà Trương Hồng Phượng.

- Thư ký viên Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi, Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, số 200/27 Nguyễn Hữu Tiến, phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2011/2025/DSST ngày 28 tháng 11 năm 2025, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 780/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 527/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M** (Việt Nam),

Địa chỉ: 91 P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 793/49/1 T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện uỷ quyền: Nguyễn Phạm Thành N (có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên toà).

Bị đơn: ông **Lê Văn Minh T**, số CCCD: 092084001594,

Địa chỉ: 64/1 Đường số 19, Khu phố 4, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nơi cư trú: 17/21 Đường L 5-6, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ Toà án đã thu thập, nội dung vụ án như sau:*

Ông Lê Văn Minh T ký giấy Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4761245 ngày 13/7/2023 với Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam)

(sau đây gọi tắt là: Công ty M), số tiền vay: 23.909.400 đồng, lãi suất 42%/năm, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay: 36 tháng (từ ngày 05/8/2023 đến ngày 05/7/2026). Ông Lê Văn Minh T đã được giải ngân số tiền vay; cách thức thanh toán theo hợp đồng tín dụng là trả góp hàng tháng.

Trong quá trình vay, ông Lê Văn Minh T đã thanh toán được 14 kỳ với tổng số tiền: 14.123.1609 đồng (bao gồm cả nợ gốc và lãi).

Từ ngày 06/9/2024, ông Lê Văn Minh T đã dừng thanh toán theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 24/6/2026, dư nợ của ông Lê Văn Minh T là 42.504.655 đồng, trong đó: nợ gốc: 22.020.336 đồng, lãi: 20.484.318 đồng.

Công ty M yêu cầu ông Lê Văn Minh T thanh toán tổng số nợ tính đến ngày 24/6/2026 là 42.504.65 đồng; đồng thời ông Lê Văn Minh T phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 25/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Công ty M.

** Đối với bị đơn Ông Lê Văn Minh T:*

Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 2011/2025/TB-TLVA ngày 28 tháng 11 năm 2025; giấy triệu tập tự khai; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông Lê Văn Minh T đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn đã nộp bản tự khai, bảng tính lãi khách hàng và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được vắng mặt tại phiên toà.

- Bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tống đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn nộp thể hiện tính đến ngày 24/6/2026, dư nợ của ông Lê Văn Minh T là 42.504.655 đồng, trong đó: nợ gốc: 22.020.336 đồng, lãi: 20.484.318 đồng. Bị đơn vắng mặt trong quá trình Toà án thụ lý, giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến. Toà án đã thực hiện việc tống đạt cho bị đơn các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng, nhưng bị đơn không thực hiện, thể hiện bị đơn không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu khác đối với nguyên đơn.

Kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy việc thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bị đơn ông Lê Văn Minh T thanh toán nợ cho Công ty M tính đến ngày 24/6/2026 là 42.504.655 đồng, thanh toán làm

một lần ngay su khi bản án có hiệu lực pháp luật; đồng thời ông Lê Văn Minh T phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 25/6/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với Công ty M.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện:

Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là: Công ty M) thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tư cách pháp nhân:

Công ty M được Ngân hàng nhà nước Việt Nam cấp giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M (Việt Nam) số 73/GP-NHNN ngày 12/11/2021; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0311132506, đăng ký lần đầu ngày 08/9/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 29/12/2023, được cấp bởi Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, về tư cách pháp nhân của Công ty M, phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

[3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tài chính TNHH một thành viên M(Việt Nam) có Giấy uỷ quyền v/v nhân sự ký tài liệu uỷ quyền cho ông Ko Sung Jung (quốc tịch Hàn Quốc), chức vụ Giám đốc kinh doanh, thực hiện việc ký Đơn khởi kiện; sau đó ông Ko Sung Jung đã có văn bản ủy quyền lại cho ông Trần La Ngọc H, chức vụ Trưởng phòng tố tụng ký đơn khởi kiện; sau đó ông Hùng đã uỷ quyền lại cho anh Nguyễn Phạm Thành N tham gia tố tụng trong vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản đối với ông Lê Văn Minh T, việc ủy quyền và nhận ủy quyền là phù hợp quy định của Bản điều lệ Công ty M, pháp luật về dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền của Toà án:

Trong vụ án này, căn cứ bản sao Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4761245 ngày 13/7/2023; đơn khởi kiện kèm các tài liệu chứng cứ gửi kèm đơn; hai bên đương sự thống nhất chọn nơi ông Lê Văn Minh T cư trú ghi trên hợp đồng tín dụng: 17/21 Đường L 5-6, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, là địa chỉ liên lạc và gửi các văn bản giao dịch.

Căn cứ quy định tại Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án: nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có

trụ sở", nên việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng", là loại tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao kết hợp đồng:

Hai bên đương sự có xác lập hợp đồng theo mẫu chung do Công ty M dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật dân sự 2015, việc hai bên ký kết hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, thực tế bị đơn ông Lê Văn Minh T đã thực hiện thanh toán được một số kỳ của hợp đồng, nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung bản hợp đồng này được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

[6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Trong vụ án này, Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, hết thời hạn ấn định của pháp luật dân sự về tố tụng, ông Lê Văn Minh T không có Đơn phản tố, do vậy Hội đồng xét xử xét đủ căn cứ kết luận bị đơn ông Lê Văn Minh T không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

** Về nội dung vụ án:*

[7] Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ:

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngòai các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

[8] Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[8.1] về số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào bản sao Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4761245 ngày 13/7/2023; Đơn khởi kiện; Bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bảng tính gốc, lãi khách hàng do nguyên đơn lập, cùng các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp và Toà án đã thu thập, thể hiện ông Lê Văn Minh T vay của Công ty M, số tiền 23.909.400 đồng.

Trong quá trình vay, ông Lê Văn Minh T đã thanh toán được 14 kỳ với tổng số tiền: 14.123.1609 đồng (bao gồm cả nợ gốc và lãi).

Từ ngày 06/9/2024, ông Lê Văn Minh T đã dừng thanh toán theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 24/6/2026, dư nợ gốc của ông Lê Văn Minh T là 22.020.336 đồng.

[8.2] Về yêu cầu tính lãi suất, phí:

Công ty M và ông Lê Văn Minh T thỏa thuận cách thức thanh toán và lãi suất, phí tại Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4761245 ngày 13/7/2023: thanh toán vốn, lãi, phí theo từng kỳ theo từng tháng, thời gian thanh toán là 36 tháng từ ngày 05/8/2023 đến ngày 05/7/2026); lãi suất vay 4%/tháng (tương đương 48%/năm).

Hội đồng xét xử xét, đây là lãi suất, phí thỏa thuận giữa Công ty M và Ông Lê Văn Minh T, phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng (nay là Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng), nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tính đến ngày 24/6/2026, ông Lê Văn Minh T còn nợ lãi: 20.484.318 đồng.

[9] Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Lê Văn Minh T là người yêu cầu Công ty M lập hợp đồng tín dụng số tiền vay gốc 23.909.400 đồng, hiện dư nợ của ông Lê Văn Minh T tính đến ngày 24/6/2026, là 42.504.655 đồng. Việc ông Lê Văn Minh T là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty M, do vậy Công ty M yêu cầu ông Lê Văn Minh T thanh toán khoản nợ nêu trên là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đồng thời, ông Lê Văn Minh T còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng kể từ ngày 25/6/2026, cho đến khi ông Lê Văn Minh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Công ty M.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn Minh T phải chịu án phí dân sự là 2.125.232 đồng (làm tròn số tiền).

Công ty M không phải chịu án phí dân sự, Công ty M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 801.308 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khỏan 3 Điều 26, điểm a khỏan 1 Điều 35, điểm a khỏan 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 96, Điều 97, Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật doanh nghiệp;

Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng;

Luật phí và lệ phí Tòa án;

Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật thi hành án dân sự;

Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam).

Buộc ông Lê Văn Minh T có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng cộng số tiền nợ vay tính đến ngày 24/6/2026 là 42.504.655 đồng (Bốn mươi hai triệu năm trăm lẻ bốn ngàn sáu trăm năm mươi lăm đồng), trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 22.020.336 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm hai mươi ngàn ba trăm ba mươi sáu đồng),

Nơ lãi: 20.484.318 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm mười tám đồng).

Ông Lê Văn Minh T đồng thời còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 25/6/2026 cho đến khi ông Lê Văn Minh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ đối với Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lê Văn Minh T phải chịu án phí dân sự là 2.125.232 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi hai đồng), ông Lê Văn Minh T nộp số tiền án phí dân sự tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự, Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 801.308 đồng (Tám trăm lẻ một ngàn ba trăm lẻ tám đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/25E số: 0041944, ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) và ông Lê Văn Minh T, vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Quyền yêu cầu và ra quyết định thi hành án theo yêu cầu theo Điều 34 Luật thi hành án dân sự:

Thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

Trường hợp người yêu cầu thi hành án chứng minh được do tình trạng khẩn cấp, trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng mà không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hạn thì thời gian có tình trạng khẩn cấp, trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Nam Hải